

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BẢN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11/9/2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu
2. Bà Lý Thị Ngân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2020 giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Chị Mai Thị Kim O - Sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn L xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.
Có mặt tại phiên tòa.

2, Bị đơn: Anh Phí Mạnh N - Sinh năm 1989.
Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Người làm chứng: Chị Vi Thị T, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Mai Thị Kim O trình bày: Chị và Phí Mạnh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/8/2017 tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng tháng 8/2018 hai vợ chồng tôi nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống của hai người không hợp nhau, một nguyên nhân nữa là sau một thời gian về chung sống cùng nhau

thì tôi phát hiện anh N là người nghiện chất ma túy. Tôi là một giáo viên lại ở xa nhà, mặc dù gặp nhiều khó khăn về tài chính nhưng vẫn động viên anh N đi cai nghiện ma túy nhưng anh không làm được, khiến chúng tôi mâu thuẫn lại càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Từ tháng 8/2019 thì chúng tôi ly thân. Hiện nay, tôi nhận thấy anh N đã nghiện ma túy nặng và bỏ bê cả việc nhà, việc cơ quan và tôi cũng không còn tình cảm với anh, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con: Chúng tôi không ai có con riêng, tôi và anh N có 01 người con chung là cháu Phí Mai H - Sinh ngày 30/01/2018. Hiện nay cháu đang ở cùng tôi. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phí Mai H đến khi cháu đủ 18 tuổi, Khi làm đơn tôi có đề nghị anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng tôi mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay tôi không đề nghị anh Phí Mạnh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản và vay nợ chung: Tôi và anh N không có tài sản chung và cũng không vay nợ chung, nên tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Phí Mạnh N trình bày: Anh N thừa nhận việc anh và chị O đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, tháng 8/2019 chị O bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị O đề nghị ly hôn anh nhất trí vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Về con: Anh N xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phí Mai H - Sinh ngày 30/01/2018, anh nhất trí để chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phí Mai H đến khi trưởng thành; Về tài sản và vay nợ chung anh N cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nhưng sau đó Tòa án yêu cầu anh Phí Mạnh N cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Anh N đã không cung cấp và không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải. Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh Phí Mạnh N không chấp hành, hiện nay anh N đi đâu làm gì gia đình và cơ quan cũng không biết. Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 26/8/2020 Tòa án đã phải ra quyết định hoãn phiên tòa, tại phiên tòa ngày hôm nay anh N cũng không có mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 78 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn giấu địa chỉ, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không chấp hành khi Tòa án giao và niêm yết các văn bản tố tụng, không đến Tòa án giải quyết vụ án theo giấy triệu tập là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát huyện Văn Bàn về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn

nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Mai Thị Kim O được ly hôn với anh Phí Mạnh N.

- Về con chung: Giao cháu Phí Mai H - Sinh ngày 30/01/2018 cho chị Mai Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi các cháu Phí Mai H đủ 18 tuổi. Anh Phí Mạnh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Mai Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và áp dụng pháp luật: Chị Mai Thị Kim O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” đối với anh Phí Mạnh N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Kim O và anh Phí Mạnh N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/8/2017 tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Khoảng tháng 8/2018 hai vợ chồng anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống của hai người không hợp nhau, một nguyên nhân nữa là sau một thời gian về chung sống cùng nhau thì chị O phát hiện anh N là người nghiện chất ma túy. Chị là một giáo viên lại ở xa nhà, mặc dù gặp nhiều khó khăn về tài chính nhưng vẫn động viên anh N đi cai nghiện ma túy nhưng anh không làm được, khiến vợ chồng mâu thuẫn lại càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Từ tháng 8/2019 thì anh chị đã sống ly thân. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phí Mạnh N.

- Anh Phí Mạnh N cho rằng: Sau khi vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, tháng 8/2019 chị O bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị O đề nghị ly hôn anh nhất trí vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Như vậy anh Phí Mạnh N đã thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và anh cũng nhất trí ly hôn, tuy nhiên không cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh và không đến theo giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Anh N không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải. Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh Phí Mạnh N không chấp hành, hiện nay anh N đi

đâu làm gì gia đình và cơ quan cũng không biết. Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 26/8/2020 Tòa án đã phải ra quyết định hoãn phiên tòa, tại phiên tòa ngày hôm nay anh N cũng vắng có mặt, không có lý do.

Việc chị Mai Thị Kim O xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng là có căn cứ, vì anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2019, không ai quan tâm đến ai, hiện nay anh N đi đâu làm gì chị và gia đình cũng như cơ quan không biết. Do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh N và chị O đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Kim O đối với anh Phí Mạnh N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: chị Mai Thị Kim O và anh Phí Mạnh N có 01 người con chung là cháu Phí Mai H, sinh ngày 30/01/2018. Hiện nay cháu đang ở cùng chị O. Khi ly hôn, chị O có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Phí Mai H đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy chị O hiện nay có công việc và thu nhập ổn định, lại đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu Phí Mai H hiện nay còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó cần giao cháu H cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Chị Mai Thị Kim O có đề nghị anh Phí Mạnh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo định kỳ mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị Mai Thị Kim O lại không đề nghị anh Phí Mạnh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Xét yêu cầu của chị O là hoàn toàn tự nguyện, nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Mai Thị Kim O và anh Phí Mạnh N đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về vay nợ chung: Chị Mai Thị Kim O và anh Phí Mạnh N xác định, hai vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào, cũng không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Mai Thị Kim O phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Mai Thị Kim O được ly hôn với anh Phí Mạnh N.

2. Về con chung: Giao cháu Phí Mai H, sinh ngày 30/01/2018 cho chị Mai Thị Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Phí Mai H đủ 18 tuổi.

Anh Phí Mạnh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0007063 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Mai Thị Kim O đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phí Mạnh N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Mai Thị Kim O được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phí Mạnh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã L (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nghĩa

